

Bản án số: 452/2021/HSPT

Ngày: 02-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 – 30/11/2021 và ngày 02 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 619/2020/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thành T và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành T và các bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 400/2020/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 532/2021/QĐPT-HS ngày 18 tháng 10 năm 2021.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Thành T (Tên gọi khác: Tư Huy); giới tính: nam; sinh ngày 25/8/1952 tại Campuchia; cư trú: Số 16, đường 13, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 28/12/2018; nghề nghiệp: Nguyên Phó Chủ tịch Thường trực UBND thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T (Nguyễn Văn T) (chết) và bà Võ Thị B; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 03 con, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không có;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 08/12/2018 (có mặt).

2. Bị cáo Đào Anh K (Tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 15/12/1957 tại tỉnh Gia Lai; cư trú: A102 Chung cư Trần Kế Xương, Phường 7,

quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 28/12/2018; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Đào Đức Q (chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết N (chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: không có;

Nhân thân: Ngày 31/12/2019 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”. Ngày 22/5/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, giữ nguyên mức hình phạt.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 19/11/2018 trong vụ án khác (có mặt).

3. Bị cáo Nguyễn Hoài N (Tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 13/5/1965 tại tỉnh Thái Nguyên; cư trú: Nhà số 5, đường số 3, khu dân cư CityLand, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 08/12/2018; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng quy hoạch đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, Bí thư Quận ủy Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Xuân Hiếu (chết) và bà Phạm Thị Kim Liên; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Bị cáo Trương Văn Út (Tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 01/01/1970 tại tỉnh Tiền Giang; cư trú: 1.13 Lô A Khu gia đình quân đội - Số 468 Phan Văn Trị, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 28/12/2018; nghề nghiệp: Phó Trưởng phòng Quản lý đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con ông Trương Văn D và bà Lê Thị T; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không có;

Nhân thân: Ngày 31/12/2019 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”. Ngày 22/5/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, giữ nguyên mức hình phạt.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 19/11/2018 trong vụ án khác (có mặt).

5. Bị cáo Lê Thị Thanh T (tên gọi khác: Thúy Hà); giới tính: nam; sinh ngày ngày 12/12/1979 tại tỉnh Quảng Nam; cư trú: A01 Villa Riviera, số 60 Giang Văn Minh, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; đảng phái: không có; nghề nghiệp: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hoa Tháng Năm; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đầu tư L; quốc tịch: Việt

Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Lương H và bà Trương Thị H; hoàn cảnh gia đình: có chồng (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không có;

Bị bắt tạm giam ngày 09/10/2019 (có mặt).

Người định giá:

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự ở Trung ương. (vắng mặt)

Trụ sở: 28 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người giám định:

1. Ông Nguyễn Hữu Trường và ông Nguyễn Mạnh Tuấn theo Quyết định trưng cầu giám định số 201/QĐ-C01-P4 ngày 26/12/2018 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Tô Quỳnh Thảo theo Quyết định trưng cầu giám định số 200/QĐ-C01-P4 ngày 26/12/2018 và Quyết định trưng cầu giám định số 11/QĐ-C01-P4 ngày 09/8/2019 (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Trụ sở: Số 86 Lê Thánh Tôn, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Toàn T

Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ban chỉ đạo 09 (Nay là Ban chỉ đạo 167) – Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: Số 86 Lê Thánh Tôn, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Quang V.

Chức vụ: Tổ trưởng Tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo (có mặt).

3. Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: 63 Lý Tự Trọng, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Tuấn K.

Chức vụ: Chánh Thanh tra Sở (có mặt).

4. Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền:

- Bà Trương Nhật Cẩm N, Phó Trưởng phòng Quản lý Công sản (có mặt).

- Ông Hồ Phúc Vinh, Chuyên viên phòng Quản lý giá (có mặt).

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ chí Minh

Trụ sở: 32 Lê Thánh Tôn, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Huỳnh Nhật T, Phó trưởng phòng Đăng ký kinh doanh (vắng mặt).

- Ông Phạm Tuấn A, Chuyên viên phòng Kinh tế đối ngoại (có mặt).

6. Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: Số 63 Vũ Tông Phan, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Bé.

Chức vụ: Chuyên viên (có mặt).

7. Chi cục Thuế Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: Số 8 Nguyễn Văn Thủ, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Lê Quốc V, Công chức đội Trước bạ và thu khác (có mặt).

- Ông Nguyễn Thanh T, Kiểm tra viên (có mặt).

8. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: 49 Trần Quốc Thảo, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Minh Hồng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

9. Công ty Cổ phần K Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Lệ C (có mặt).

10. Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng S.

Trụ sở: 205A Nguyễn Xí, Phường 26, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu T (vắng mặt).

11. Công ty Cổ phần H Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: 933 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện: Ông Nguyễn Văn H (có mặt)

12. Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu V.

Trụ sở: 236/106/1A Điện Biên Phủ, Phường 17, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hồng G (có mặt).

13. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư K.

Trụ sở: 138-142 Hai Bà Trưng, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T (có mặt).

14. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H.

Trụ sở: Lầu 5 May Flower, số 12 Lê Thánh Tôn, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Thế T (có mặt).

15. Công ty Cổ phần đầu tư L.

Trụ sở: Lầu 3 May Flower, số 12 Lê Thánh Tôn, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức B. Sinh năm: 1980 (có mặt).

16. Ngân hàng TMCP A.

Trụ sở: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

17. Ông Huỳnh Kim P; Sinh năm: 1954

Thường trú: Số 8/2A Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

18. Ông Vũ Ngọc H; Sinh năm: 1957

Thường trú: Số 17, đường 8A, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

19. Ông Lưu Văn T; Sinh năm: 1956

Thường trú: Số 62/5 Điện Biên Phủ, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

20. Ông Nguyễn Khắc T; Sinh năm: 1952

Thường trú: Số 25, đường 52, cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

21. Ông Nguyễn Minh X; Sinh năm: 1958

Thường trú: Số 98 Cao Đức Lân, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

22. Ông Nguyễn Đình H; Sinh năm: 1962

Thường trú: Số 163/5 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

23. Ông Trần Kim T; Sinh năm: 1960

Thường trú: Số 650/13 Điện Biên Phủ, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

(có đơn xin xét xử vắng mặt).

24. Ông Trần Lê N; Sinh năm: 1968

Thường trú: 201-203 Phú Gia, Phú Mỹ Hưng, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

25. Bà Bùi Ngọc Bạch P; Sinh năm: 1971

Thường trú: Nhà số 5, đường số 3, khu dân cư Cityland, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

26. Bà Nguyễn Ngọc H; Sinh năm: 1958

Thường trú: A102 chung cư Trần Kế Xương, Phường 7, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

27. Bà Lê Thị Phương L; Sinh năm: 1970

Thường trú: Căn hộ 1.13 chung cư Lô A, khu gia đình quân đội, số 468 Phan Văn Trị, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bào chữa:

1. Ông Trương Trọng Nghĩa và ông Ngô Minh Hưng cùng là luật sư của Công ty luật TNHH YKVN thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành T (có mặt).

2. Ông Nguyễn Hữu Thế Trạch là luật sư của Công ty luật TNHH MTV An Pha Na thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thanh T (có mặt).

3. Ông Phạm Ngọc Trung là luật sư của Công ty luật TNHH Nam An thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Đào Anh K (có mặt).

4. Ông Nguyễn Thành Công là luật sư của Công ty luật TNHH Đông Phương Luật thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Đào Anh K và bị cáo Nguyễn Hoài N (có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Thanh Tú và ông Nguyễn Sa Linh cùng là luật sư của Văn phòng luật sư Gia Linh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trương Văn Út (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khu nhà, đất số 08-12 đường Lê Duẩn, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (*gọi tắt là Khu đất 08-12 Lê Duẩn*) là tài sản Nhà nước, có tổng diện tích 4.896,3m², gồm nhà đất số 08 đường Lê Duẩn, diện tích 3.433,3m² và nhà đất số 12 đường Lê Duẩn, diện tích 1.463m². Năm 1994, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) Thành phố Hồ Chí Minh giao cho công ty Quản lý kinh doanh nhà quản lý và cho thuê, trong đó Công ty Cổ phần K Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ

phần Thiết bị phụ tùng S và Công ty Cổ phần H Thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà đất số 8 đường Lê Duẩn; Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu V thuê nhà đất số 12 đường Lê Duẩn (sau đây gọi tắt là 04 công ty thuê).

Thực hiện Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước, trên cơ sở đề xuất của Ban Chỉ đạo sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ban Chỉ đạo 09), UBND Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất chủ trương cho xây dựng khách sạn tiêu chuẩn 5 sao và một phần Trung tâm thương mại tại khu đất số 8-12 đường Lê Duẩn; giao Công ty Quản lý kinh doanh nhà thanh lý hợp đồng cho thuê, thu hồi và quản lý mặt bằng trong thời gian chuẩn bị tiến hành đầu tư xây dựng Dự án; giao Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành các bước đầu thầu lựa chọn chủ đầu tư, tham mưu UBND Thành phố quyết định lựa chọn chủ đầu tư có uy tín và kinh nghiệm trong lĩnh vực khách sạn để đầu tư vào khu đất 8-12 đường Lê Duẩn, không áp dụng hình thức liên doanh (Thông báo số 826/TB-VP ngày 20/11/2007 của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố Hồ Chí Minh về kết luận của ông Lê Hoàng Quân, Chủ tịch UBND Thành phố). Ngày 05/02/2008, UBND Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 851/UBND-ĐTMT giao công ty cổ phần Hòn ngọc Viễn Đông (các cổ đông thành lập là các công ty 100% vốn Nhà nước gồm: Công ty Quản lý kinh doanh nhà, công ty Vàng bạc đá quý Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn) là chủ đầu tư thực hiện dự án. Ngày 13/3/2008, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định thu hồi khu đất 8-12 đường Lê Duẩn để thực hiện Dự án. Ngày 11/6/2009, công ty Quản lý kinh doanh nhà có văn bản đề nghị 04 công ty đang thuê đất di dời, bàn giao mặt bằng, nhưng 04 công ty thuê đất không thực hiện mà có nhiều văn bản đề nghị được mua nhà, đất theo chỉ định hoặc tham gia dự án nhưng UBND Thành phố không đồng ý. Đến ngày 06/10/2009, Nguyễn Thành T, Phó Chủ tịch Thường trực UBND Thành phố ký Công văn số 5206/UBND-ĐTMT chấp thuận chủ trương cho công ty Quản lý kinh doanh nhà liên doanh, liên kết với 04 công ty thuê đất thực hiện Dự án. Sau đó, Nguyễn Thành T chỉ đạo giao Công ty Quản lý kinh doanh nhà làm chủ đầu tư dự án góp vốn 50% đứng tên thuê đất với Nhà nước theo cơ chế giá thị trường, 04 công ty thuê đất góp vốn 50%. Do thay đổi chủ trương thực hiện dự án nên công ty cổ phần Hòn ngọc Viễn Đông giải thể.

Ngày 23/7/2010, Nguyễn Thị Thu Thủy, Giám đốc công ty Quản lý kinh doanh nhà ký công văn số 4996/QLKDN-KHĐT đề xuất UBND Thành phố thành lập công ty cổ phần và huy động thêm nguồn vốn để thực hiện dự án, Nguyễn Thành T chấp thuận đề xuất và giao công ty Quản lý kinh doanh nhà xây dựng phương án, kế hoạch thực hiện (Công văn số 142/TB-VP ngày 18/3/2010 và công văn số 5425/VP-ĐTMT ngày 26/7/2010 của Văn phòng UBND Thành phố thông báo ý kiến kết luận của Nguyễn Thành T).

Sau khi biết UBND Thành phố có chủ trương thành lập công ty cổ phần thực hiện Dự án tại khu đất 8-12 Lê Duẩn, Lê Thị Thanh T ký công văn không số ngày 06/8/2010 gửi công ty Quản lý kinh doanh nhà, tự giới thiệu công ty Hoa

Tháng Năm có năng lực tài chính, có kinh nghiệm trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn và xin được tham gia dự án để được ưu ái, tạo điều kiện nhằm trục lợi cá nhân, thực tế công ty này thành lập ngày 06/4/2010 và chưa thực hiện dự án bất động sản nào. Ngày 11/8/2010, Nguyễn Thị Thu Thủy, Giám đốc công ty Quản lý kinh doanh nhà ký công văn số 5270/QLKD-KHĐT đề xuất với UBND Thành phố chấp thuận cho công ty Hoa Tháng Năm tham gia hợp tác đầu tư góp 30% vốn của Dự án trong tỷ lệ góp vốn 50% của công ty Quản lý kinh doanh nhà.

Do có mối quan hệ quen biết từ trước với Lê Thị Thanh T và theo đề nghị của Nguyễn Thị Thu Thủy - Giám đốc công ty Quản lý kinh doanh nhà, Nguyễn Thành T đã có các quyết định và chỉ đạo cán bộ cấp dưới thực hiện: Chấp thuận thay đổi chủ trương đầu tư cho phép doanh nghiệp tư nhân tham gia góp vốn thực hiện Dự án; giao đất và cho thuê đất theo hình thức chỉ định không qua đấu giá quyền sử dụng đất; chấp thuận áp dụng 02 hình thức giao đất và cho thuê đất đối với cùng Dự án; chấp thuận cho thanh lý nhà số 12 đường Lê Duẩn không thực hiện việc bán tài sản; dẫn đến chuyển dịch quyền sở hữu khu nhà đất 8-12 đường Lê Duẩn từ sở hữu Nhà nước sang sở hữu của doanh nghiệp tư nhân, gây hậu quả thiệt hại, thất thoát như sau:

Ngày 17/8/2010, Nguyễn Thành T tổ chức họp chấp thuận đề xuất của công ty Quản lý kinh doanh nhà về việc cho công ty Hoa Tháng Năm tham gia hợp tác đầu tư góp 30% vốn của Dự án trái với chủ trương của UBND Thành phố tại công văn số 826/TB-VP ngày 20/11/2007 (Công văn số 6025/VP-ĐTMT ngày 17/8/2010 của Văn phòng UBND Thành phố thông báo ý kiến chỉ đạo của ông Nguyễn Thành T). Trên cơ sở chấp thuận của Nguyễn Thành T, ngày 10/9/2010, Công ty Cổ phần đầu tư L (viết tắt là Công ty L) được thành lập, vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng, các cổ đông gồm: Công ty Quản lý kinh doanh nhà góp 20% vốn, công ty Hoa Tháng Năm góp 30%, 04 công ty thuê đất góp 50% (mỗi công ty góp 12,5%). Người đại diện theo pháp luật là Lê Thị Thanh T, Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ngày 29/10/2010, 04 công ty thuê chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty L cho Công ty K với tổng trị giá 250.000.000.000 đồng, trước đó 04 Công ty thuê đất vay tiền của Công ty K tổng cộng 50.000.000.000 đồng góp vốn thành lập Công ty L, sau khi trừ khoản vay trên mỗi công ty thu lợi 50.000.000.000 đồng.

Ngày 19/01/2011, Công ty L có văn bản số 01/CV-HCNS/2011 do Lê Thị Thanh T ký, gửi Thường trực UBND Thành phố Hồ Chí Minh cùng bà Đào Thị Hương Lan, Giám đốc Sở Tài chính và Đào Anh K, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (*sau đây viết tắt là Sở TN&MT*) đề nghị được áp dụng hai hình thức cho thuê đất và giao đất đối với khu đất số 8-12 Lê Duẩn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính. Ngày 20/01/2011, Văn phòng UBND Thành phố có công văn số 460/VP-ĐTMT thông báo ý kiến chỉ đạo của Nguyễn Thành T chỉ đạo Sở Tài chính và Sở TN&MT nghiên cứu, đề xuất. Ngày 18/02/2011, Sở Tài chính có công văn số 1404/STC-BVG chuyển đề nghị của Công ty L đến Sở TN&MT để giải quyết theo thẩm quyền.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Trương Văn Út, chuyên viên

Phòng Quy hoạch sử dụng đất lập Tờ trình đề Nguyễn Hoài N, Trưởng phòng ký duyệt trình Đào Anh K, Giám đốc Sở TN&MT ký công văn số 885/TNMT ngày 18/02/2011 đề xuất UBND Thành phố có thể giải quyết theo đề nghị của Công ty L, đồng thời kiến nghị giao Sở Tài chính xác định tiền sử dụng đất và thuê đất để đẩy nhanh tiến độ dự án. Ngày 23/02/2011, Văn phòng UBND Thành phố đề xuất Nguyễn Thành T chỉ áp dụng một hình thức giao đất có đóng tiền sử dụng đất đối với toàn bộ khu đất nhưng Nguyễn Thành T đã ký văn bản chấp thuận đề xuất của Sở TN&MT, đồng thời chỉ đạo Sở TN&MT trình UBND Thành phố ban hành quyết định giao thuê đất, chỉ đạo Sở Tài chính xác định tiền sử dụng đất và tiền thuê đất (Công văn số 781/UBND-ĐTMT ngày 24/02/2011 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 30/5/2011, Nguyễn Thị Thu Thủy, Giám đốc công ty Quản lý kinh doanh nhà ký công văn số 2115/QLKDN-KHĐT đề xuất UBND Thành phố cho Công ty L được thực hiện nghĩa vụ tài chính, xem xét giao đất và cho thuê đất tại khu đất số 8-12 Lê Duẩn.

Ngày 02/6/2011, Nguyễn Thành T ký công văn số 2556/UBND-ĐTMT chỉ đạo Sở Tài chính khẩn trương hoàn tất thủ tục, trình UBND Thành phố duyệt giá khu đất số 8 - 12 Lê Duẩn; chỉ đạo Sở TN&MT lập thủ tục, trình UBND Thành phố ban hành quyết định giao đất và cho thuê đất với khu đất số 8-12 Lê Duẩn cho Công ty L.

Trên cơ sở chỉ đạo của Nguyễn Thành T, Trương Văn Út dự thảo Tờ trình đề Nguyễn Hoài N duyệt, trình Đào Anh K ký ban hành công văn số 3426/TNMT-QHSDĐ ngày 10/6/2011 của Sở TN&MT đề xuất cho Công ty L được áp dụng hai hình thức giao đất và cho thuê đất chỉ định, không qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu nhà đất số 8-12 Lê Duẩn, kèm theo dự thảo Quyết định về việc giao đất và cho thuê đất tại khu đất số 8-12 đường Lê Duẩn (dự thảo Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 14/6/2011).

Ngày 14/6/2011, Nguyễn Thành T ký Quyết định số 3030/QĐ-UBND cho Công ty L sử dụng 4896,3 m² đất trong diện tích đất đã thu hồi (4928,9 m²) tại số 8-12 Lê Duẩn để đầu tư xây dựng khách sạn cao cấp, thương mại - dịch vụ, căn hộ cho thuê với thời hạn sử dụng đất là 50 năm; hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với khu đất tại số 8 Lê Duẩn và Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm đối với khu đất số 12 Lê Duẩn. Cùng ngày, Nguyễn Thành T ký Quyết định số 3029/QĐ-UBND duyệt giá trị quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng trên đất tại mặt bằng số 08 Lê Duẩn và xác định đơn giá thuê đất tại mặt bằng số 12 Lê Duẩn. Cụ thể:

+ Duyệt giá trị quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng trên đất tại mặt bằng số 8 Lê Duẩn theo giá thị trường là 621.704.153.226 đồng. Thuế giá trị gia tăng 10% trên phần giá trị công trình xây dựng trên đất theo quy định là 1.445.994.423 đồng.

+ Duyệt đơn giá thuê đất tại mặt bằng số 12 Lê Duẩn theo giá thị trường là 3.528.956 đồng/m²/năm, đơn giá thuê đất này là cơ sở để cho thuê đất trả tiền hàng

năm và giữ ổn định trong thời hạn 05 năm.

Sau đó, Công ty L đã nộp đủ số tiền 647.285.231.783 đồng theo giá đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

Ngày 30/6/2011, Sở TN&MT Thành phố đã ký hợp đồng cho thuê đất số 3905/HĐ-TNMT-QHSDĐ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT07242 ngày 01/7/2011 đối với khu đất số 12 Lê Duẩn; ngày 08/11/2011 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT09253 đối với khu đất số 8 đường Lê Duẩn cho Công ty L.

Ngày 11/7/2011, Nguyễn Thị Thu Thủy, Giám đốc công ty Quản lý kinh doanh nhà ký công văn số 2824/QLKDN-KHĐT đề xuất UBND Thành phố cho phép thanh lý nhà số 12 Lê Duẩn. Ngày 12/7/2011, Nguyễn Thành T ký công văn số 3464/UBND-ĐTMT chấp thuận đề xuất của công ty Quản lý kinh doanh nhà. Ngày 12/8/2011, công ty Quản lý kinh doanh nhà có công văn số 3274/QLKDN-KHĐT (Nguyễn Thị Thu Thủy, Giám đốc ký) đồng ý cho Công ty L thực hiện phá dỡ công trình tại số 12 Lê Duẩn. Ngày 24/10/2011, công ty Quản lý kinh doanh nhà nhận được số tiền 300.000.000 đồng thu được từ việc tháo dỡ nhà số 12 Lê Duẩn do Công ty L chuyển đến. Sau khi trừ đi phần thuế giá trị gia tăng, công ty Quản lý kinh doanh nhà nộp ngân sách Nhà nước số tiền 272.727.273 đồng. Đến nay, khu đất số 8-12 Lê Duẩn chưa triển khai xây dựng Dự án.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định tư pháp, định giá tài sản, các cơ quan giám định và định giá đã kết luận:

Ngày 30/8/2019, Giám định viên Bộ Tài nguyên và Môi trường có Kết luận giám định tư pháp, xác định: Căn cứ, hình thức văn bản Quyết định số 3030/QĐ-UBND không căn cứ vào phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất được phê duyệt là chưa phù hợp theo quy định tại Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg.

Ngày 14/10/2019, Giám định viên Bộ Tài chính có Kết luận giám định tư pháp, kết luận: “Cơ sở nhà, đất số 8-12 Lê Duẩn do Công ty Quản lý kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh quản lý thuộc đối tượng và phạm vi áp dụng của Quyết định số 09/2017/QĐ-TTg; theo đó, phải thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo trình tự, thủ tục, phương thức xử lý, thẩm quyền quyết định được quy định của Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg.

Đối chiếu các quy định trên và thực tế thực hiện theo hồ sơ được cung cấp, giám định viên nhận thấy nội dung xử lý nhà, đất số 8-12 Lê Duẩn tại Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 14/6/2011 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh là thực hiện thu hồi và giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai; không thực hiện theo quy định tại Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg.”.

“Công ty CP Đầu tư Lavenue (là pháp nhân hình thành do góp vốn của các cổ đông gồm: Công ty QLKDN, Công ty Hoa Tháng Năm, Công ty Hóa chất vật liệu điện, Công ty Kim khí TP HCM, Công ty Thiết bị phụ tùng, Công ty Xăng dầu Vitaco) không phải là đối tượng được mua tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng hình thức chỉ định theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 1

Quyết định số 140/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ do Công ty CP Đầu tư Lavenue không phải pháp nhân đang thuê nhà, đất số 8-12 Lê Duẩn của Công ty Quản lý Kinh doanh Nhà Thành phố. Đối tượng được mua nhà theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 140/2008/QĐ-TTg là các công ty đang thuê nhà của Công ty Quản lý Kinh doanh Nhà Thành phố theo quy định tại thời điểm Nhà nước xem xét việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng hình thức chỉ định (nếu có)”.

Ngày 30/7/2019, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự ở Trung ương, kết luận:

+ Quyền sử dụng đất tại khu đất số 8-12 đường Lê Duẩn tại thời điểm UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định 3030/QĐ-UBND ngày 14/6/2011 là: 879.427.091.000 đồng; tại thời điểm khởi tố vụ án ngày 07/12/2018 là: 2.554.005.796.000 đồng.

+ Công trình xây dựng trên đất tại số 8 đường Lê Duẩn tại thời điểm ngày 14/6/2011 là: 15.905.939.000 đồng.

+ Công trình xây dựng trên đất số 12 đường Lê Duẩn tại thời điểm ngày 14/6/2011 là: 5.076.780.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 400/2020/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử như sau:

- Căn cứ khoản 3 Điều 219; điểm s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 08 (tám) năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2018.

- Căn cứ khoản 3 Điều 219; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Đào Anh K 05 (năm) năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”.

Tổng hợp với hình phạt 06 năm 06 tháng tù tại Bản án số 266/2020/HS-PT ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2018.

- Căn cứ khoản 3 Điều 219; điểm s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N 04 (bốn) năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 3 Điều 219; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Trương Văn Út 03 (ba) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”.

Tổng hợp với hình phạt 05 năm tù tại Bản án số 266/2020/HS-PT ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2018.

- Căn cứ khoản 3 Điều 219; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh T 05 (năm) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2019.

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự.

+ Buộc các bị cáo bồi thường lại số tiền 4.776.780.000 đồng cho Nhà nước theo tỷ phần bằng nhau, cụ thể mỗi bị cáo nộp số tiền 955.356.000 đồng.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Giao cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thu hồi, quản lý, sử dụng toàn bộ khu đất 8 - 12 Lê Duẩn theo quy định pháp luật.

+ Công ty Cổ phần đầu tư L có trách nhiệm nộp lại bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT09293 ngày 08/11/2011, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT07242 ngày 01/7/2011 và Hợp đồng thuê đất số 3905/HĐ-TNMT-QHSDD ngày 30/6/2011 cho Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trả lại Công ty Cổ phần đầu tư L số tiền 126.275.858.552 đồng (20% x 631.379.292.783 đồng) (Theo Lệnh chuyển có ngày 21/9/2011 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam gửi vào Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh). Công ty Cổ phần đầu tư L có nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên cho Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trả lại Công ty Cổ phần đầu tư L cho số tiền 315.689.646.391 đồng (50% x 631.379.292.783 đồng) (Theo Lệnh chuyển có ngày 21/9/2011 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam gửi vào Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh). Công ty Cổ phần đầu tư L có nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên cho Công ty TNHH Đầu tư Kido.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 189.413.787.835 đồng (30% x 631.379.292.783 đồng) mà Công ty Cổ phần đầu tư L đã nộp vào Ngân sách Nhà nước có nguồn gốc từ vốn góp của Công ty TNHH MTV Hoa Tháng Năm.

+ Buộc Công ty Cổ phần K Thành phố Hồ Chí Minh nộp lại số tiền 50.000.000.000 đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ Buộc công ty Hóa chất vật liệu điện nộp lại số tiền 50.000.000.000 đồng

để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ Buộc Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu V nộp lại số tiền 50.000.000.000 đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ Buộc Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng S nộp lại số tiền 50.000.000.000 đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ Các công ty Kim Khí, công ty Hóa chất vật liệu điện, công ty Vitaco và công ty thiết bị phụ tùng Sài Gòn được quyền liên hệ Chi cục thuế Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh để hạch toán lại số tiền thu nhập doanh nghiệp các công ty đã nộp.

* Hủy bỏ Lệnh kê biên số 14/L-VPCQCSĐT-P4 ngày 10/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an và giao trả cho bị cáo Lê Thị Thanh T tài sản gồm:

+ Nhà và đất tọa lạc tại số 60A1 Giang Văn Minh, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số 800/2009/GCN-UB do UBND Quận 2 cấp ngày 30/6/2009.

+ Nhà và đất tọa lạc tại số 60A2 Giang Văn Minh, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số 1382/2008/GCN-UB do UBND Quận 2 cấp ngày 22/9/2008.

* Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên số 15/L-VPCQCSĐT-P4 ngày 10/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đào Anh K đối với ½ trị giá tài sản kê biên gồm:

+ Căn hộ 8.04 Lô A Cao ốc PNTECHCONS số 48 Hoa Sứ, Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số CH00274 do UBND quận Phú Nhuận cấp ngày 23/02/2013.

+ Căn hộ A102 Chung cư Trần Kế Xương số 246/1 Trần Kế Xương, Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số 21/GCN do UBND quận Phú Nhuận cấp ngày 13/5/1994.

+ Thửa đất số 1256, tờ bản đồ số 79, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số CT53585 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/12/2015.

* Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên số 16/L-VPCQCSĐT-P4 ngày 10/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Hoài N đối với ½ trị giá tài sản kê biên gồm:

+ Căn hộ R3 Ba Vì, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số CH00326 do UBND Quận 10 cấp ngày 07/12/2010.

+ Căn hộ R3A Ba Vì, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số 1995/2007/UB.GCN do UBND Quận 10 cấp ngày 08/11/2007.

+ Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại số 5 đường số 3, khu dân cư

Cityland, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số CS12633/DA do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/8/2017.

* Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên số 17/L-VPCQCSĐT-P4 ngày 10/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Trương Văn Út đối với $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản kê biên gồm:

+ Căn hộ chung cư số 1.13 Lô A khu nhà ở Quân đội, địa chỉ số 468 Phan Văn Trị, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số CS08769/DA do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/5/2017.

+ Căn hộ 5.16 Chung cư Hà Đô, Phan Văn Trị, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số CH03210 do UBND quận Gò Vấp cấp ngày 26/02/2014.

+ Nhà đất tọa lạc số 220/50A/90E Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số CH01413 do UBND quận B cấp ngày 02/3/2015.

* Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 10606/LPTTK ngày 19/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo Lê Thị Thanh T. Số tiền còn lại sau khi thực hiện nghĩa vụ bồi thường (nếu có) thực hiện giải tỏa để trả lại cho Lê Thị Thanh T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo như sau:

- Ngày 30/9/2020 bị cáo Nguyễn Thành T kháng cáo cho rằng hành vi của bị cáo chưa xảy ra thiệt hại, có nhiều thành tích trong chiến đấu và công tác, được nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương, bản thân có nhiều bệnh lý, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn trách nhiệm hình sự.

- Ngày 28/9/2020 bị cáo Đào Anh K kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại trách nhiệm hình sự, xem xét lại hành vi phụ thuộc, là Sở chuyên môn thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên. Về phần dân sự đề nghị cấp phúc thẩm không buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường dân sự, yêu cầu hủy bỏ các lệnh kê biên tài sản của cá nhân và gia đình.

- Ngày 22/9/2020 bị cáo Trương Văn Út làm đơn kháng cáo đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt, về phần dân sự đề nghị xem xét không buộc bị cáo bồi thường. Ngày 24/9/2020 bà Lê Thị Phương Linh kháng cáo yêu cầu hủy bỏ các lệnh kê biên tài sản đối với 3 căn nhà của bà.

- Ngày 29/9/2020 bị cáo Nguyễn Hoài N làm đơn kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức án 04 năm tù là quá nặng. Đề nghị Tòa phúc thẩm không buộc bị cáo phải liên đới bồi thường, hủy bỏ lệnh kê biên tài sản

đối với tài sản cá nhân và gia đình.

- Ngày 23/9/2020 bị cáo Lê Thị Thanh T kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm, kêu oan cho rằng bị cáo không phạm tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”.

- Ngày 02/10/2020 Công ty Cổ phần K Thành phố Hồ Chí Minh kháng cáo đề nghị tách phần chuyển nhượng giữa 4 Công ty với Công ty Cổ phần đầu tư Kido giải quyết theo thủ tục dân sự. Không đồng ý nộp lại số tiền 50 tỷ đồng sung công quỹ nhà nước. Yêu cầu Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh hoàn trả lại khoản thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty đã nộp 12,5 tỷ đồng.

- Ngày 02/10/2020 Công ty Cổ phần thiết bị phục tùng Sài Gòn kháng cáo cho rằng không đồng ý với án sơ thẩm buộc Công ty phải nộp lại số tiền 50 tỷ đồng để tịch thu xung công quỹ nhà nước.

- Ngày 01/10/2020 Công ty Cổ phần đầu tư L kháng cáo giữ nguyên việc giao đất cho thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp đồng thuê đất đã cấp cho Lavenue, không buộc Công ty phải hoàn trả vốn góp cho các cổ đông cũng như không thu hồi vốn cổ đông của Công ty L.

- Ngày 22/9/2020 Công ty TNHH một thành viên Hoa Tháng Năm kháng cáo cho rằng việc kết luận công ty Hoa Tháng Năm thông đồng để thực hiện hành vi phạm tội là không đúng. Số tiền góp vốn vào Công ty L không phải là vật chứng nên thu hồi sung công là không đúng.

- Ngày 23/9/2020 Công ty TNHH đầu tư Kido đề nghị được tiếp tục tham gia dự án tại số 08 – 12 Lê Duẩn.

- Ngày 02/10/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị số 49/QĐ-VKS-P3 cho rằng Tòa sơ thẩm xác định thiệt hại tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là không đúng bản chất của vụ án. Việc tuyên trả lại cho Công ty L số tiền 126.275.858.552 đồng. Công ty L có nghĩa vụ trả số tiền trên cho Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà Thành phố là không có căn cứ, gây thiệt hại tài sản nhà nước.

* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện cho các Công ty với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Diễn biến tại phiên tòa hôm nay so với tài liệu điều tra và bản án sơ thẩm, chúng tôi nhận thấy không có gì mới, chính vì vậy chúng tôi không nhắc lại nội dung vụ án và hành vi phạm tội của từng bị cáo mà đi thẳng vào vấn đề kháng nghị và kháng cáo.

- Về kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ

Chí Minh đối với số tiền thất thoát, lãng phí: Án sơ thẩm xác định thời điểm xảy ra thất thoát lãng phí là thời điểm giao đất tháng 06/2011 để tính số thiệt hại vụ án là 900 tỷ 409 triệu đồng trừ đi số tiền Lavenue đã nộp, để xác định con số thiệt hại của 252 tỷ 824 triệu đồng là không đúng với thực tế hậu quả xảy ra. Chúng tôi cho rằng thiệt hại phải xác định đến thời điểm nhà nước ngăn chặn là thời điểm khởi tố vụ án. Theo kết luận định giá của cơ quan chuyên môn thì tính đến tháng 12/2018 thì giá trị quyền sử dụng đất ở số 08 – 12 Lê Duẩn là 2.574 tỷ đồng (*tính tròn số*) trừ đi khoản Công ty L đã nộp 647.585.231.783 đồng số tiền thực tế thất thoát phải là 1.927.403.283.217 đồng chứ không phải chỉ có 252.824.578.217 đồng nghị án sơ thẩm xác định.

Đối với khoản tiền 126 tỷ đồng mà án sơ thẩm buộc Công ty L trả lại Công ty quản lý kinh doanh nhà thành phố, Viện kiểm sát thấy rằng: Công ty quản lý kinh doanh nhà thành phố là Doanh nghiệp 100% vốn của nhà nước, cá nhân Nguyễn Thị Thu Thủy – Giám đốc Công ty (hiện đã bỏ trốn) góp vốn vào 30% tương đương 157 tỷ đồng (tính tròn) việc chỉ buộc trả lại 126 tỷ đồng (tính tròn) là làm thất thoát tài sản nhà nước. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng nghị này.

- Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành T, Đào Anh K, Nguyễn Hoài N, Trương Văn Út. Chúng tôi ghi nhận những đóng góp, cống hiến cho sự nghiệp phát triển thành phố cũng như những thành tích trong quá trình công tác của các bị cáo. Tuy nhiên, những lý do mà các bị cáo nêu trong đơn kháng cáo không phải là những tình tiết giảm nhẹ mới, những tình tiết này đã được cấp sơ thẩm xem xét đánh giá rồi, nên xử các bị cáo mức án thấp hơn mức hình phạt điều luật đã quy định, nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt được.

Đối với yêu cầu xin miễn trách nhiệm hình sự, nhận thấy các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng, gây thất thoát lãng phí tài sản lớn. Đối chiếu với quy định thì không có căn cứ miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được.

Ở phúc thẩm bị cáo Nam đã khắc phục được 955.356.000 đồng là tình tiết mới. Tuy nhiên án sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 năm tù là quá nhẹ, nên không thể tiếp tục xem xét giảm nhẹ cho bị cáo được; đề nghị Tòa không chấp nhận.

- Đối với kháng cáo kêu oan của bị cáo Thúy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận là đồng phạm với các bị cáo Tài, Kiệt, Nam, Út nhưng căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy bị cáo lợi dụng quen biết đề nghị lãnh đạo thành phố ký nhiều văn bản giao dự án cho Công ty, bị cáo bỏ qua các giai đoạn thẩm định, đấu thầu. Bị cáo biết rõ dự án số 08 – 12 Lê Duẩn là một trong những dự án trọng điểm, nằm ở vị trí đặc địa, bị cáo chuẩn bị thành lập Công ty Hoa Tháng Năm nhằm mục đích tham gia dự án trên và thực tế công ty bị cáo đã được nhà nước giao đất thực hiện dự án. Tòa sơ thẩm xử bị cáo với tội danh trên là không oan.

Đối với số tiền 189.413.787.835 đồng của Công ty Hoa Tháng Năm, như đã nêu ở trên việc bị cáo thành lập Công ty là phương thức để thực hiện hành vi phạm

tội, số tiền bị cáo góp để được giao dự án là tiền dùng vào việc phạm tội nên thu sung công là có căn cứ.

- Đối với kháng cáo của các Công ty ở phần xét hỏi đã làm rõ việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng cổ phần là không hợp pháp nên số tiền chênh lệch là thu lợi bất chính là tịch thu sung công là đúng.

- Kháng cáo của Công ty K và Công ty L là không có căn cứ xem xét, việc cấp và giao đất trái pháp luật cần phải được thu hồi về cho nhà nước. Do đó việc yêu cầu được tiếp tục đầu tư cũng như được tiếp tục giao đất là yêu cầu không phù hợp nên không được chấp nhận.

Ý kiến của các luật sư:

- Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành T các luật sư cho rằng: Dựa trên chủ trương của thành phố, bị cáo Tài chỉ là người tiếp nhận và triển khai thực hiện chủ trương của Thành phố, quá trình triển khai bị cáo có báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Lê Hoàng Quân đồng thời cũng là Trưởng ban chỉ đạo 89, các chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy ông Lê Hoàng Quân đồng ý cho thực hiện và nhất trí cho thay đổi chủ đầu tư cũng như từ đầu thầu dự án sang chỉ định. Nếu Chủ tịch Thành phố đồng thời là Trưởng ban chỉ đạo 89 không đồng ý chắc chắn bị cáo Tài không triển khai được. Do đó việc kết luận bị cáo Tài là người trực tiếp chỉ đạo giao đất và cho thuê đất số 08 – 12 Lê Duẩn gây thiệt hại cho Nhà nước là định giá chưa đúng sự thật khách quan vụ án. Bị cáo Tài chỉ sai khi Chủ tịch Thành phố không đồng ý mà bị cáo cố tình thực hiện gây thiệt hại, còn ở đây bị cáo Tài triển khai chỉ đạo theo chủ trương của Thành phố. Cũng cần phân tích thêm cuối tháng 6/2011 bị cáo Tài đã nghỉ hưu những người sau của thành phố vẫn tiếp tục đề nghị Chính phủ cho triển khai dự án. Sau khi nghỉ hưu bị cáo Tài cũng không dùng ảnh hưởng của mình để tác động gì cả.

Về cho tư nhân tham gia liên doanh, liên kết vào các dự án nhà nước có sai không, theo chúng tôi là không sai. Việc Thành phố cho Công ty tư nhân góp vốn tham gia dự án là đúng tinh thần chỉ đạo của Đảng nhà nước trong việc khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia đầu tư phát triển kinh tế.

- Về vấn đề xác định thiệt hại, luật sư cho rằng trong vụ án này không có thiệt hại cho nhà nước. Khi được giao đất cho thuê đất, doanh nghiệp đã đóng tiền sử dụng đất một lần trên 631 tỷ đồng tương đương 30 triệu USD nhà nước đã sử dụng số tiền trên gần 10 năm nay. Nay ta thu hồi đất, đất vẫn còn đó, nếu nói thiệt hại thì doanh nghiệp mới là người thiệt hại, đóng tiền hơn 30 triệu USD đã 10 năm nhưng chưa được một ngày sử dụng. Cách tính thiệt hại của Viện kiểm sát là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vấn đề này. Như đã phân tích ở trên việc giao đất số 08 – 12 Lê Duẩn trên thực tế nhà nước không có thiệt hại, do đó đề nghị Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Tài.

- Bào chữa cho bị cáo Thúy luật sư cho rằng:

Cấp sơ thẩm nhận định bị cáo Thúy thành lập Công ty Hoa Tháng Năm nhằm để thực hiện hành vi phạm tội là thiếu căn cứ, suy diễn, nói Công ty Hoa

Tháng Năm không đủ năng lực tài chính là nhận định chủ quan. Công ty Hoa Tháng Năm tham gia dự án là theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Giám đốc Công ty kinh doanh nhà thành phố, việc quy kết Công ty Hoa Tháng Năm thành lập nhằm để thực hiện dự án và xem xét thành lập là hành vi phạm tội là thiếu căn cứ. Vấn đề đặt ra cùng một hành vi thành lập Công ty L để thực hiện dự án tại sao chỉ truy tố bị cáo Thúy giám đốc Công ty Hoa Tháng Năm một trong các thành viên Công ty L. Kết luận điều tra cũng không chứng minh được bị cáo Thúy đã tác động bị cáo Tài để được giao dự án đất số 08 – 12 Lê Duẩn, không có cơ sở nào để nói bị cáo Thúy tác động để làm thay đổi chủ trương đầu tư của thành phố. Việc bị cáo Thúy có công văn gửi thành phố đề nghị được giao đất cho thuê đất số 08 – 12 Lê Duẩn là thuộc trách nhiệm của người đứng đầu doanh nghiệp, không phải là tư cách cá nhân không phải bị cáo Thúy mà là ai khác khi thay mặt Công ty L ký văn bản cũng vậy. Do đó, việc truy tố bị cáo Thúy đồng phạm tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*” là khiên cưỡng. Nếu nói bị cáo ký văn bản đó nhằm mục đích hưởng lợi thì các doanh nghiệp nhà nước (*Kido và quản lý nhà thành phố*) chiếm 70% vốn chứ Công ty Hoa Tháng Năm 30% hưởng lợi được bao nhiêu. Việc thu 189 tỷ đồng của Công ty Hoa Tháng Năm với lý do tiền dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội là không đúng, cơ quan điều tra chưa chứng minh rõ ràng bị cáo Thúy dùng số tiền trên vào việc phạm tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”.

Nếu nói rằng 631.379.292.783 đồng đồng đã nộp khi Nhà nước giao đất là tiền dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, tại sao chỉ thu sung công quỹ Nhà nước số tiền của Công ty Hoa Tháng Năm. Mặt khác nếu nói 631.379.292.783 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội thì Sở Tài chính Thành phố đang sử dụng tiền phạm tội trong 10 năm qua sao? Theo quan điểm của luật sư 189.413.787.835 đồng của Công ty Hoa Tháng Năm không phải là vật chứng vụ án, đề nghị trả lại Công ty Hoa Tháng Năm số tiền trên. Với quan điểm trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thúy tuyên bị cáo không phạm tội.

- Bào chữa cho bị cáo Kiệt và bị cáo Nam các luật sư cho rằng bị cáo Kiệt và bị cáo Nam không tham gia vào giai đoạn chủ trương đầu tư, khi có văn bản chỉ đạo thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến cảnh báo về việc nêu Nghị định 121 không cho phép giao đất và cho thuê đất trong cùng dự án. Cho thấy các bị cáo đã làm hết trách nhiệm của mình. Không dừng lại ở đó mà trong hợp đồng với Công ty L, Sở đã có một điều khoản chốt chặn một nguyên tắc của người giao đất. Nếu căn cứ Nghị định 121 để buộc tội các bị cáo thì cho thấy Nghị định 121 không phù hợp nên Nghị định 46 sau đó thay thế và luật đất đai 2013 cho phép giao và thuê đất trong cùng dự án. Với trách nhiệm là Giám đốc Sở bị cáo thực hiện trách nhiệm của mình, việc xem xét hành vi của bị cáo ở nhiều vụ án khác nhau là bất lợi cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vấn đề này trong khi lượng hình.

Bị cáo Nam là trưởng phòng, trách nhiệm có giới hạn trong việc đề xuất tham mưu, bị cáo không cố tình tham mưu cho thuê và giao đất số 08 – 12 Lê

Duẩn mà là thực hiện chủ trương của Thành phố. Bị cáo thể hiện trách nhiệm của mình trong khi làm hợp đồng với Công ty L bằng điều luật mà Nhà nước chiếm ưu thế khi thực hiện hợp đồng. Các bị cáo không đề xuất phá bỏ nhà số 12 Lê Duẩn, Viện kiểm sát sơ thẩm cũng đã kết luận rồi, do đó Tòa sơ thẩm buộc các bị cáo Sở Tài nguyên và Môi trường bồi thường đề nghị Hội đồng xét xử xem lại. Tuy không đề xuất tháo dỡ nhà số 12 Lê Duẩn nhưng bị cáo Nam vẫn chấp hành nộp bồi thường số tiền như án sơ thẩm tuyên mất khác bị cáo hiện đang bị bệnh ung thư đại tràng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Út trình bày: Là cán bộ chuyên môn bị cáo không có thẩm quyền đề xuất cho thuê hay giao đất số 08 – 12 Lê Duẩn cho doanh nghiệp nào cả, bị cáo chỉ đánh máy theo chỉ đạo của lãnh đạo phòng, bị cáo không phải là người chấp bút đề xuất nội dung công văn 885, hiện tại đất số 08 – 12 Lê Duẩn vẫn thuộc quyền của nhà nước, thiệt hại không có, đề nghị Tòa xem xét việc buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với hình phạt 03 năm tù là quá nặng. Về trách nhiệm bồi thường như luật sư Công đã nêu, các bị cáo Sở Tài nguyên không đề xuất phá bỏ nhà số 12 Lê Duẩn mà buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vấn đề này.

- Đại diện Công ty cổ phần thiết bị Sài Gòn và Công ty Cổ phần K Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng, việc chuyển nhượng cổ phần giữa các Công ty với Công ty Kinh Đô hợp pháp, đúng theo quy định pháp luật, được Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc thay đổi thông tin cổ đông mới lập tại Công ty L. Công ty đã thực hiện việc kê khai nộp thuế theo quy định. Do đó việc Tòa sơ thẩm tịch thu sung công quỹ 50 tỷ với lý do việc chuyển nhượng cổ phần không hợp pháp là thiếu căn cứ. Đề nghị Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm không thu số tiền trên.

- Đại diện Công ty L lập luận rằng: Công ty L được thành lập đúng theo quy định của pháp luật, khi được nhà nước giao đất, cho thuê đất. Công ty đã hoàn tất nộp cho Nhà nước 647.285.231.783 đồng tiền sử dụng đất cho thời hạn giao đất là 50 năm và đã đầu tư vào dự án với tổng số tiền khoảng 800 tỷ đồng. Nhưng 10 năm qua Công ty vẫn chưa thể triển khai dự án điều này làm cho Công ty và các cổ đông gánh chịu những tổn thất khi đã mất cơ hội 10 năm kinh doanh dự án. Đề nghị Tòa giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty, không buộc Công ty phải hoàn trả vốn góp cho các cổ đông.

- Đại diện Công ty K trình bày: Công ty K đã mua lại cổ phần của 4 doanh nghiệp thuộc Bộ công thương, Công ty chiếm 50% vốn trong Công ty L, đề nghị Tòa xem xét cho Công ty K được phép tiếp tục thực hiện dự án số 08 – 12 Lê Duẩn.

- Trong phần tranh luận bà Lê Thị Phương Linh cho rằng, bản thân bị cáo Út không tham gia đề xuất gì để gây ra thiệt hại đối với tài sản trên đất ở số 12 Lê Duẩn. Tòa sơ thẩm buộc bị cáo Út bồi thường là không đúng, việc kê biên tài sản thuộc sở hữu chung của hai vợ chồng làm ảnh hưởng và thiệt hại cho gia đình bà. Đề nghị Tòa hủy bỏ kê biên và không buộc bị cáo Út bồi thường.

Quan điểm của các luật sư, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo đưa ra, Hội đồng xét xử sẽ xem xét trong quá trình nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo trình bày cho thấy có sự nhận thức khác nhau về tội phạm nhưng bản chất tất cả đều thừa nhận hành vi tham gia soạn thảo, ký nháy đề xuất và ký ban hành các công văn, quyết định trong việc cho Công ty Cổ phần đầu tư L được giao đất, thuê đất ở số 08 – 12 Lê Duẩn, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện dự án xây dựng khách sạn cao cấp không qua đấu giá quyền sử dụng đất, mà trực tiếp chỉ định, cho thanh lý nhà số 12 Lê Duẩn không thông qua bán đấu giá tài sản; đã gây thiệt hại cho nhà nước. Toà án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*” là có căn cứ, bởi các lẽ sau:

[1] Nhà đất số 08 – 12 Lê Duẩn được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác lập sở hữu Nhà nước từ năm 1994 và giao cho Công ty quản lý kinh doanh nhà Thành phố quản lý. Thực hiện việc sắp xếp lại nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước, Ban chỉ đạo 09 tại công văn số 10025/STC ngày 01/10/2007 nêu rõ: “*Đối với mặt bằng số 08 – 12 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ... đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố giao Công ty quản lý kinh doanh nhà Thành phố lập thủ tục đấu giá nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất để nhà đầu tư trúng đấu giá thực hiện dự án đầu tư xây dựng khách sạn cao cấp theo quy hoạch của Thành phố...*”. Ngày 20/11/2007 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt chủ trương cho đầu tư xây dựng khách sạn và một phần trung tâm thương mại tại khu đất số 08 – 12 Lê Duẩn.

Khoản 7 Điều 7 Quyết định số 09/2007/QĐ.TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý Nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước quy định: “*Việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cơ quan hành chính, Công ty nhà nước được thực hiện thông qua hình thức đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá*”.

Khoản 4 Điều 1 Quyết định 140/2008/QĐ.TTg ngày 21/10/2008 về việc sửa đổi bổ sung Quyết định 09/2007/QĐ-TTg quy định chỉ cho phép chỉ định khi bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong trường hợp: “*... Tổ chức cá nhân đăng ký mua tài sản trên đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với cơ sở nhà đất đang thuê các tổ chức có chức năng cho thuê nhà đất...*”. Quy định là vậy nhưng trong quá trình triển khai bị cáo Nguyễn Thành T với tư cách Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ký nhiều văn bản chấp thuận thay đổi chủ trương đầu tư theo hình thức chỉ định thầu, ký công văn 6025/UP-ĐTM ngày 17/8/2010 chấp thuận cho Công ty TNHH TMV Hoa Tháng Năm tham gia thực hiện dự án với tỷ lệ vốn góp 30%, thuận cho 4 Công ty thuê chuyển nhượng quyền đầu tư dự án cho Công ty Kinh Đô không qua đấu giá là vi

phạm khoản 1 Điều 7 Quyết định 09/2007/QĐ.TTg ngày 19/01/2007, điểm c khoản 4 Điều 1 Quyết định 140/2008/QĐ-TTg ngày 21/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ; điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai 2003, bị cáo Nguyễn Thành T chấp thuận cho Công ty L tự chọn nhà thầu để thanh lý nhà số 12 Lê Duẩn mà không giao cho Cơ quan chức năng thẩm định giá trị còn lại, việc làm của bị cáo đã vi phạm điểm c khoản 4 Quyết định 140/2008/QĐ-TTg.

[2] Các bị cáo Đào Anh K, Nguyễn Hoài N, Trương Văn Út là cán bộ lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai, biết nhà đất số 08 – 12 Lê Duẩn, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu nhà nước nhưng vẫn ký nhiều văn bản chấp thuận và đề xuất nội dung trái với tinh thần chỉ đạo của Ban chỉ đạo 09 đối với mặt bằng số 08 – 12 Lê Duẩn dẫn đến việc giao đất và cho thuê mặt bằng 08 – 12 Lê Duẩn cho một doanh nghiệp với giá thấp hơn giá thị trường làm thiệt hại tài sản nhà nước.

[3] Bị cáo Lê Thị Thanh Thuý, bị cáo Thuý biết dự án ở số 08 – 12 Lê Duẩn là một trong những dự án trọng điểm nằm ở vị trí đắc địa Thành phố nên ngày 06/4/2010 bị cáo thành lập Công ty TNHH MTV Hoa Tháng Năm nhằm mục đích tham gia dự án trên. Thuý ký công văn gửi Công ty quản lý kinh doanh nhà giới thiệu Công ty TNHH MTV Hoa Tháng Năm có năng lực tài chính có kinh nghiệm nhà hàng, khách sạn xin được tham gia dự án và trên thực tế Công ty TNHH MTV Hoa Tháng Năm là một trong các thành viên sáng lập của Công ty L Chủ dự án ở khu đất 08 – 12 Lê Duẩn với số tiền góp 30% nên bị cáo Thuý là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty L và được giao dự án trên mà không qua đấu giá dẫn đến thiệt hại tài sản nhà nước, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội danh “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*” với vai trò đồng phạm.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở kết luận rằng các bị cáo Nguyễn Thành T, Đào Anh K, Nguyễn Hoài N, Trương Văn Út và Lê Thị Thanh Thuý đã phạm các tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 219 Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi bổ sung năm 2017*)

- Bị cáo Nguyễn Thành T kháng cáo cho rằng hậu quả đã được khắc phục, thiệt hại thực tế không có. Xét thấy thực tế diện tích đất số 08 – 12 Lê Duẩn đã được thu hồi, tài sản Nhà nước không mất đi, việc tài sản Nhà nước không mất đi là do phát hiện kịp thời, hành vi sai phạm đã được ngăn chặn không có nghĩa hành vi của bị cáo không vi phạm pháp luật, với tư cách là Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị cáo trực tiếp ký các quyết định 3029 và 3030 có ý nghĩa quyết định dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu đối với khu đất số 08 – 12 Lê Duẩn, nên bị cáo phải chịu mức án cao hơn các bị cáo khác. Mức hình phạt của khoản 3 Điều 219 Bộ luật hình sự là 10 năm đến 20 năm tù, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ xử phạt bị cáo 08 năm tù dưới mức khởi điểm của khung hình phạt, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

- Đối với các bị cáo Đào Anh K – Nguyên Giám đốc, Nguyễn Hoài N – Nguyên Trưởng phòng quy hoạch đất và Trương Văn Út – Chuyên viên Sở Tài nguyên và Môi trường, là cơ quan chuyên môn nhưng tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố cho Công ty L thuê đất 50 năm, trả tiền thuê hàng năm đối với lô đất số 12 Lê Duẩn gây thiệt hại tài sản Nhà nước trong khi Nghị định 121 không cho phép trong cùng một dự án vừa cho thuê vừa giao đất. Tòa sơ thẩm đã phân hoá về hình phạt xử các bị cáo mức án nhẹ hơn so với bị cáo Tài là đúng, mức án đối với các bị cáo Kiệt, bị cáo Nam, bị cáo Út tương xứng với vị trí, chức vụ, vai trò của từng bị cáo khi đề xuất cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với bị cáo Nam sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền thiệt hại (955.356.000 đồng), đây là tình tiết giảm nhẹ cấp phúc thẩm xem xét. Mặc khác theo xác định của bệnh viện Quốc tế Nam Sài Gòn chẩn đoán lúc nhập viện: Xuất huyết tiêu hoá dưới chi do ung thư đại tràng tái phát – Tiên lượng nặng. Hướng điều trị: Truyền máu làm chẩn đoán, xét phẫu thuật + điều trị hoá xạ hỗ trợ. (ngày 09/11/2020)

Với các tình tiết nêu trên xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Lê Thị Thanh Thuý với tư cách là Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hoa Tháng Năm, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đầu tư L bị cáo biết Công ty Hoa Tháng Năm không có chức năng kinh doanh khách sạn, nhưng lợi dụng sự quen biết, bị cáo đã trao đổi với Nguyễn Thị Thu Thuỷ - Giám đốc Công ty quản lý kinh doanh nhà Thành phố tham gia góp 30% vốn dự án trong Công ty L và thực tế Công ty L do Thuý làm Chủ tịch Hội đồng quản trị đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao và cho thuê diện tích đất số 08 – 12 Lê Duẩn, Tòa sơ thẩm đánh giá vị trí vai trò của bị cáo trong vụ án xử phạt bị cáo 05 (năm) tù là đúng người, đúng tội, không oan.

Đối với số tiền 189.413.708.835 đồng cấp sơ thẩm tịch thu sung quỹ nhà nước. Như đã phân tích ở trên không có chức năng kinh doanh khách sạn, nhưng bị cáo Thuý dùng số tiền trên góp vốn vào thành lập Công ty L để được Ủy ban giao diện tích đất số 08 – 12 Lê Duẩn, cấp sơ thẩm nhận định số tiền trên là tiền dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên thu sung công là có căn cứ.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại quyết định kháng nghị số 49/QĐ-VKS-P3 ngày 02/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có 2 nội dung chính:

- Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh là Công ty 100% vốn nhà nước, toàn bộ số tiền 157 tỷ đồng (tính tròn) mà Công ty nộp góp vào Công ty L là tài sản nhà nước, Tòa sơ thẩm căn cứ vào số tiền mà Công ty L nộp vào ngân sách để tính tương ứng vốn góp của Công ty để thu hồi số tiền 126 tỷ đồng (tính tròn) là gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền hơn 30 tỷ.

- Toà sơ thẩm xác định thiệt hại thực tế tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là không phù hợp mà phải tính thiệt hại tại thời điểm cơ quan điều tra khởi tố vụ án, số tiền thiệt hại là 1.927.403.283.217 đồng.

Xét thấy 2 nội dung kháng nghị của viện kiểm sát không phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và quy định của pháp luật bởi lẽ:

Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà Thành phố chiếm 20% vốn góp trong Công ty L, Công ty L nộp 631.379.292.783 đồng vào ngân sách nhà nước để được nhận và thuê diện tích đất ở số 08 – 12 Lê Duẩn; 20% của 631.379.292.783 đồng là 126.275.858.552 đồng, việc Toà sơ thẩm buộc trả lại cho Công ty quản lý kinh doanh nhà Thành phố số tiền 126.275.858.552 đồng là đúng; 30.724.141.448 đồng mà kháng nghị cho rằng thiệt hại, số tiền này nó nằm trong tổng số vốn mà Công ty kinh doanh nhà Thành phố góp vào Công ty L, số tiền trên không mất như kháng nghị của Viện kiểm sát.

Về thiệt hại: Toà sơ thẩm xác định thiệt hại thực tế là xác định thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tháng 6/2011(*thời điểm ký Quyết định giao đất, cho thuê đất số 08 – 12 Lê Duẩn*), số tiền thiệt hại 252.824.231.783 đồng đây là khoản tiền chênh lệch so với giá thực tế tại thời điểm giao đất và cho thuê đất. Viện kiểm sát cho rằng phải tính thiệt hại vào thời điểm khởi tố vụ án (*Tháng 12/2018*) để xác định thiệt hại (*1.927.403.283.217 đồng*) là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, bác toàn bộ yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần K Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng S:

Công ty Cổ phần K Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng S là các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ công thương được Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ định cùng 2 đơn vị khác tham gia dự án nếu thấy không đủ năng lực tài chính tham gia thì báo cáo lại, việc các công ty sang nhượng lại cho các đơn vị khác để hưởng lợi bất chính là vi phạm pháp luật. Toà sơ thẩm buộc các đơn vị nộp lại số tiền thu lợi bất chính là đúng. Bác toàn bộ kháng cáo của Công ty cổ phần kim khí Thành phố và Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng S.

[6] Xét kháng cáo của Công ty TNHH Đầu tư KiDo

Công ty kháng cáo cho rằng để cho Công ty được tiếp tục đầu tư dự án để xây dựng khách sạn tại số 08 – 12 Lê Duẩn. Như đã phân tích trên việc cấp và giao cho Công ty L diện tích đất số 08 – 12 Lê Duẩn không đúng pháp luật nên cần thu hồi giao cho Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý theo quy định, việc Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp tục giao diện tích đất trên cho ai là quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu kháng cáo của Công ty K không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[7] Xét kháng cáo của Công ty L:

Như đã phân tích trên việc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao và cho Công ty thuê đất ở số 08 – 12 Lê Duẩn là không đúng nên việc Công ty

kháng cáo yêu cầu được giữ nguyên việc giao đất đã cấp và không trả lại vốn góp cho các cổ đông là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Công ty có được tiếp tục giao diện tích đất trên hay không là quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Xét kháng cáo của Công ty TNHH MTV Hoa Tháng Năm:

Như đã phân tích Công ty Hoa Tháng Năm sử dụng số tiền 189.413.708.835 đồng góp vốn vào Công ty L để nhằm mục đích được giao và thuê đất ở số 08 – 12 Lê Duẩn, nên cấp sơ thẩm xác định số tiền 631.379.292.783 đồng mà Công ty L nộp vào Ngân sách nhà nước là số tiền dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội là có căn cứ, nên việc thu số tiền vào công quỹ nhà nước là đúng.

Riêng số tiền trả lại cho Công ty K và Công ty quản lý kinh doanh nhà Thành phố, nội dung này của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nếu xác định số tiền 631.379.292.783 đồng là tiền dùng vào thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ thu 189.413.708.835 đồng của Công ty Hoa Tháng Năm với nhận định đây là tiền cá nhân, còn trên 400 tỷ đồng trả lại cho Công ty K và Công ty quản lý kinh doanh nhà Thành phố vì đây là tiền pháp nhân, lập luận như trên là không nhất quán trong quá trình xử lý tang vật. Do đó cần kiến nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét theo trình tự Giám đốc thẩm đối với nội dung này.

[9] Xét kháng cáo của bà Lê Thị Phương Linh:

Bà Lê Thị Phương Linh là vợ bị cáo Trương Văn Út bà cho rằng việc buộc bị cáo Trương Văn Út chịu trách nhiệm bồi thường 955.356.000 đồng là không đúng và yêu cầu hủy bỏ lệnh kê biên 3 căn nhà.

Xét thấy phần buộc bị cáo Trương Văn Út bồi thường nội dung này bị cáo Út đã có kháng cáo, bà Linh không có quyền kháng cáo thay cho bị cáo Út, về kê biên các căn nhà, đây là tài sản chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, nên việc Tòa sơ thẩm kê biên $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản để đảm bảo phần nghĩa vụ của bị cáo Út bồi thường là đúng pháp luật. Có thể tài sản kê biên nhiều hơn nghĩa vụ thi hành, vấn đề này khi bản án có hiệu lực thi hành, Cơ quan thi hành án sẽ thi hành phần nghĩa vụ của bị cáo Út, số tài sản còn lại sẽ được giải biên. Tòa phúc thẩm không định giá được giá trị từng loại tài sản kê biên nên không thể hủy bỏ lệnh kê biên đối với tài sản nào.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thành T, Đào Anh K, Trương Văn Út, Lê Thị Thanh Thuý phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hoài N không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoài N, sửa một phần bản án sơ thẩm số 400/2020/HSST ngày 20/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hoài N.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoài N** 03 (ba) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành T, Đào Anh K, Trương Văn Út, Lê Thị Thanh Thuý và kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần K Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty cổ phần thiết bị Sài Gòn; Công ty Cổ phần đầu tư L; Công ty TNHH MTV Hoa Tháng Năm; Công ty TNHH đầu tư KiDo và bà Lê Thị Phương Linh.

Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 400/2020/HSST ngày 20/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thành T, Đào Anh K, Trương Văn Út, Lê Thị Thanh Thuý và phân trách nhiệm dân sự, các biện pháp tư pháp đối với các bị cáo, người liên quan không được chấp nhận kháng cáo.

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T, Đào Anh K, Trương Văn Út, Lê Thị Thanh Thuý phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành T** 08 (tám) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo Thi hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo **Đào Anh K** 05 (năm) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”.

Tổng hợp với hình phạt 06 năm 06 tháng tù tại Bản án số 266/2020/HS-PT ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị

cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo Thi hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo **Trương Văn Út** 03 (ba) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”.

Tổng hợp với hình phạt 05 năm tù tại Bản án số 266/2020/HS-PT ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo Thi hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Thị Thanh T** 05 (năm) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo Thi hành án.

2/ Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thành T, Đào Anh K, Trương Văn Út, Nguyễn Hoài N, Lê Thị Thanh Thuý bồi thường lại số tiền 4.776.780.000 đồng cho Nhà nước theo tỷ phần bằng nhau, cụ thể mỗi bị cáo nộp số tiền 955.356.000 đồng.

3/ Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Giao cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thu hồi, quản lý, sử dụng toàn bộ khu đất 8 - 12 Lê Duẩn theo quy định pháp luật.

- Công ty Cổ phần đầu tư L có trách nhiệm nộp lại bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT09293 ngày 08/11/2011, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT07242 ngày 01/7/2011 và Hợp đồng thuê đất số 3905/HĐ-TNMT-QHSDĐ ngày 30/6/2011 cho Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trả lại Công ty Cổ phần đầu tư L số tiền 126.275.858.552 đồng (20% x 631.379.292.783 đồng) (Theo Lệnh chuyển có ngày 21/9/2011 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam gửi vào Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh). Công ty Cổ phần đầu tư L có nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên cho Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trả lại Công ty Cổ phần đầu tư L cho số tiền 315.689.646.391 đồng (50% x 631.379.292.783 đồng) (Theo Lệnh chuyển có ngày 21/9/2011 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam gửi vào Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh).

Minh). Công ty Cổ phần đầu tư L có nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên cho Công ty TNHH Đầu tư Kido.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 189.413.787.835 đồng (30% x 631.379.292.783 đồng) mà Công ty Cổ phần đầu tư L đã nộp vào Ngân sách Nhà nước có nguồn gốc từ vốn góp của Công ty TNHH MTV Hoa Tháng Năm.

- Buộc Công ty Cổ phần K Thành phố Hồ Chí Minh nộp lại số tiền 50.000.000.000 đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc Công ty Hóa chất vật liệu điện nộp lại số tiền 50.000.000.000 đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu V nộp lại số tiền 50.000.000.000 đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng S nộp lại số tiền 50.000.000.000 đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Các Công ty Kim Khí, Công ty Hóa chất vật liệu điện, Công ty Vitaco và Công ty thiết bị phụ tùng Sài Gòn được quyền liên hệ Chi cục thuế Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh để hạch toán lại số tiền thu nhập doanh nghiệp các Công ty đã nộp.

- Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên số 15/L-VPCQCSĐT-P4 ngày 10/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đào Anh K đối với ½ trị giá tài sản kê biên gồm:

- + Căn hộ 8.04 Lô A Cao ốc PNTECHCONS số 48 Hoa Sứ, Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số CH00274 do UBND quận Phú Nhuận cấp ngày 23/02/2013.

- + Căn hộ A102 Chung cư Trần Kế Xương số 246/1 Trần Kế Xương, Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số 21/GCN do UBND quận Phú Nhuận cấp ngày 13/5/1994.

- + Thửa đất số 1256, tờ bản đồ số 79, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số CT53585 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/12/2015.

- Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên số 17/L-VPCQCSĐT-P4 ngày 10/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Trương Văn Út đối với ½ trị giá tài sản kê biên gồm:

- + Căn hộ chung cư số 1.13 Lô A khu nhà ở Quân đội, địa chỉ số 468 Phan Văn Trị, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số CS08769/DA do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/5/2017.

- + Căn hộ 5.16 Chung cư Hà Đô, Phan Văn Trị, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số CH03210 do UBND quận Gò Vấp cấp ngày 26/02/2014.

+ Nhà đất tọa lạc số 220/50A/90E Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số CH01413 do UBND quận B cấp ngày 02/3/2015.

- Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 10606/LPTTK ngày 19/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo Lê Thị Thanh T. Số tiền còn lại sau khi thực hiện nghĩa vụ bồi thường (nếu có) thực hiện giải tỏa để trả lại cho Lê Thị Thanh T.

- Hủy bỏ Lệnh kê biên số 16/L-VPCQCSĐT-P4 ngày 10/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Hoài N đối với ½ trị giá tài sản kê biên gồm:

+ Căn hộ R3 Ba Vì, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số CH00326 do UBND Quận 10 cấp ngày 07/12/2010.

+ Căn hộ R3A Ba Vì, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số 1995/2007/UB.GCN do UBND Quận 10 cấp ngày 08/11/2007.

+ Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại số 5 đường số 3, khu dân cư Cityland, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số CS12633/DA do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/8/2017.

- Hủy bỏ Lệnh kê biên số 14/L-VPCQCSĐT-P4 ngày 10/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an và giao trả cho bị cáo Lê Thị Thanh T tài sản gồm:

+ Nhà và đất tọa lạc tại số 60A1 Giang Văn Minh, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số 800/2009/GCN-UB do UBND Quận 2 cấp ngày 30/6/2009.

+ Nhà và đất tọa lạc tại số 60A2 Giang Văn Minh, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số 1382/2008/GCN-UB do UBND Quận 2 cấp ngày 22/9/2008.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường thì hằng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Thành T, Đào Anh K, Trương Văn Út, Lê Thị Thanh Thuý, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Công an TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Trại giam Ca TP. Hồ Chí Minh; (4)
- Bc TN; (1)
- NLQ; (6)
- Lưu: VP, HS, N.THUY 26b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thành Văn